

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 3 - 2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

2. Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng L, sinh năm 1991. Địa chỉ: K34, khu phố 2, phường B, thành phố K, tỉnh Đồng Nai (yêu cầu được giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Hoàng L trình bày: Vào năm 2012, do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau nên anh và chị Phạm Thị N có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/8/2020. Sau ngày cưới vợ chồng về sống chung với nhau tại phòng 7.19, lầu 7, chung cư Tân Trụ, 70/36 Nguyễn Sĩ Sách, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, nửa năm đầu vợ chồng có hạnh phúc, thời gian sau này thì vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, không tập trung đồng thuận để xây dựng kinh tế gia đình. Đến tháng 08/2021 mâu thuẫn trầm trọng, chị N đã đuổi anh ra khỏi chung cư, và còn đe dọa sẽ kêu bảo vệ với người nhà của chị N đang sống cùng chung cư Tân Trụ xuống tố cáo anh ra đường. Chị N còn gọi điện thoại

về nhà chỉ chiết đáng sinh thành anh và cho rằng gia đình anh là gia đình không có giáo dục. Mặc dù, tất cả mọi sinh hoạt phí trong gia đình kể cả tiền thuê nhà đều do anh lo liệu, chị N chỉ đứng tên trong hợp đồng thuê nhà mà thôi. Anh biết, nếu anh không dọn ra khỏi căn hộ thì chị N cũng không có quyền đuổi anh. Nhưng với thái độ xấu xược, hỗn láo của chị N nên anh phải dọn ra khỏi chung cư nhằm tránh những sự nóng giận đáng tiếc xảy ra. Trong những ngày tháng lang thang chưa tìm được chỗ ở, anh đã bị nhiễm Covid. Rất may là được cứu chữa, sau đó bình phục và về quê nhà ở Đồng Nai sống cùng gia đình. Chính vì những điều trên mà gia đình hai bên đã xảy ra xung đột kịch liệt và trong thời gian ly thân, bản thân anh cũng như phía gia đình anh không thể tha thứ cho những hành động cũng như lời nói của chị N mặc dù Cha mẹ và bản thân chị N cũng đã xin lỗi nhiều lần nhưng anh nhận thấy cuộc hôn nhân này không thể duy trì được nữa do hai bên mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vì vậy anh vẫn kiên quyết muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này, do đó về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị N; con chung, tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Trần Hoàng L quen biết và yêu thương nhau từ năm 2011, đến năm 2018 thì xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp với nhau. Trong quá trình chung sống tại phòng 7.19. lầu 7, chung cư Tân Trụ, 70/36 Nguyễn Sĩ Sách, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ mâu thuẫn chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống và anh L có đánh chị nên trong lúc nóng giận chị có đuổi anh L ra khỏi chung cư, tuy nhiên chị nhận thấy mình sai, cũng đã xin lỗi anh L cùng gia đình anh L và chị nghĩ rằng hôn nhân giữa chị và anh L chưa đến mức phải ly hôn. Nên chị mong muốn anh L suy nghĩ lại hàn gắn cuộc hôn nhân này và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị thống nhất không có.

Trong quá trình hòa giải anh L có ý kiến bổ sung: Do anh ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, tính chất công việc không thường xuyên xin nghỉ phép được nên anh xin được vắng mặt trong tất cả các quá trình tố tụng về sau, kể cả phiên tòa xét xử vụ án. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị N, anh không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì mới và cam kết không có khiếu nại gì liên quan đến thủ tục tố tụng cũng như phán quyết của Tòa án về vụ án.

Chị N cũng có ý kiến bổ sung: Chị vẫn kiên quyết không đồng ý ly hôn với anh L, tuy nhiên trong các quá trình tố tụng về sau, kể cả Tòa án đưa vụ án ra xét xử chị sẽ không đến tham gia và xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng về sau. Chị cho rằng dù có tham gia tiếp thì anh L vẫn không thay đổi quyết định yêu cầu ly hôn với chị nhưng chị không thể ký tên thống nhất ly hôn với anh L, để Tòa án tiến hành xét xử và quyết định thế nào thì tùy, chị không có khiếu nại.

Do các bên đương sự có ý kiến trình bày trong quá trình tố tụng tiếp theo các bên đều yêu cầu được vắng mặt, vì vậy Tòa án không tổ chức hòa giải tiếp theo mà tiến hành đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị N có mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn với anh Trần Hoàng L, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Trần Hoàng L yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị N, con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; và chị Phạm Thị N có địa chỉ tại khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý nguyên đơn và bị đơn được Tòa án triệu tập hòa giải vào ngày 22/02/2022 tuy nhiên không thành và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh L có yêu cầu được vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng L và chị Phạm Thị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 13/8/2020 theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị sống chung với nhau tại phòng 7.19. lầu 7, chung cư Tân Trụ. 70/36 Nguyễn Sĩ Sách, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Theo như anh, chị trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có hạnh phúc, đến tháng 08/2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống nên anh, chị có cự cãi nhau và anh L có đánh chị N, trong lúc nóng giận chị N đã đuổi anh L ra khỏi chung cư, từ đó vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, chính vì vậy mà anh L và gia đình anh L không thể chấp nhận chị N nữa, mặc dù chị N đã nhận thấy mình sai nên đã xin lỗi anh L cùng gia đình anh L nhưng vẫn không được tha thứ, đến nay anh L nhận thấy không còn tình cảm với chị N được nữa nên đã làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị N, riêng chị N thì không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh L và chị N mâu thuẫn không đơn thuần từ anh L với chị N mà còn ảnh hưởng từ phía hai bên gia đình người lớn với nhau, cho thấy cuộc hôn nhân giữa anh L và chị N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh L yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu của chị N xin được đoàn tụ, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình hòa giải bản thân chị N cũng nhận thấy anh L cương quyết yêu cầu ly hôn với chị N, vì vậy tại phiên tòa hôm nay chị N thay đổi ý kiến là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị N.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Hoàng L và chị Phạm Thị N khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Hoàng L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và các Điều 246; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hoàng L và chị Phạm Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng, buộc anh Trần Hoàng L phải chịu, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh Trần Hoàng L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007683, ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thì anh L đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh

